

**THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ  
TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI CỦA  
TÒA ÁN VIỆT NAM**

**PHẠM THỊ HỒNG MỸ\***

*Ngày nhận bài: 15/02/2023*

*Ngày phản biện: 21/02/2023*

*Ngày đăng bài: 30/06/2023*

***Tóm tắt:***

Bài viết chỉ rõ một số bất cập, hạn chế của Tòa án Việt Nam khi áp dụng pháp luật tố tụng dân sự giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài bằng phương pháp bình luận một số bản án. Qua việc nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài tại Tòa án Việt Nam hiện nay.

***Từ khóa:***

vụ việc dân sự; có yếu tố nước ngoài; tố tụng dân sự; thẩm quyền

***Abstract:***

The article clearly points out some shortcomings and limitations of Vietnamese courts when applying the civil procedure law to resolve civil cases involving foreign elements by analytical methods, commenting on a number of judgments. Thereby, the author proposes some solutions to improve the efficiency of resolving civil cases involving foreign elements in Vietnamese courts today.

***Keyword:***

civil cases; foreign elements; Civil Procedure; jurisdiction

**1. Đặt vấn đề**

Hàng năm, theo Báo cáo tóm tắt tổng kết công tác xét xử của Tòa án nhân dân tối cao thì số lượng các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài được Tòa án Việt Nam giải quyết là khá nhiều. Khi giải quyết vụ việc này, Tòa án cần xác định thẩm quyền giải quyết dựa vào quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng đã bộc lộ một số hạn chế bất cập như: Tòa án áp dụng cơ sở pháp lý xác định thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài cho các tình tiết, sự kiện tương tự có cùng bản chất là khác nhau hay Tòa án chưa thu thập đầy đủ địa chỉ của đương sự ở Việt Nam để thực hiện thủ tục tổng đạt, thu thập chứng cứ, hòa giải... Cho nên, việc nghiên cứu thực

---

\* ThS., Khoa Luật, trường Đại học Sài Gòn.; Email: pthmy@sgu.edu.vn.

trạng áp dụng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của Tòa án Việt Nam là rất cần thiết nhằm qua đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài tại Tòa án Việt Nam hiện nay.

## **2. Khái quát về việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam**

Với việc phát triển kinh tế xã hội mạnh mẽ đã kéo theo sự phát triển của các quan hệ có yếu tố nước ngoài ở nhiều lĩnh vực, trong đó có các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài: hôn nhân và gia đình, dân sự, kinh doanh thương mại, lao động,... Khi những quan hệ này có tranh chấp hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết thì vụ việc này được gọi là vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.

Theo khoản 2 Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài là vụ việc dân sự thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Có ít nhất một trong các bên tham gia là cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài; (ii) Các bên tham gia đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam nhưng việc xác lập, thay đổi, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ đó xảy ra tại nước ngoài; (iii) Các bên tham gia đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam nhưng đối tượng của quan hệ dân sự đó ở nước ngoài. Tòa án giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài thì sẽ áp dụng pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng để giải quyết. Trong đó việc áp dụng pháp luật tố tụng, Tòa án sẽ áp dụng theo nguyên tắc được quy định tại khoản 3 Điều 2 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: *Bộ luật tố tụng dân sự được áp dụng đối với việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài; trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.* Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã có những điểm mới quy định về trình tự thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài. Khi áp dụng pháp luật tố tụng thì Tòa án sẽ chú trọng vào hai nội dung chính như:

(i) Xác định thẩm quyền - việc xác định thẩm quyền của Tòa án có ý nghĩa quan trọng tiên quyết, là bước đầu tiên để có thể thực hiện những trình tự tố tụng tiếp theo. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã khắc phục hạn chế về việc không có một điều luật nào quy định cụ thể về nguyên tắc xác định thẩm quyền của Tòa án trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011. Theo đó, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã đưa ra nguyên tắc xác định thẩm quyền như sau: *“Sau khi xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam theo quy định của Chương này, Tòa án áp dụng các quy định*

tại Chương III của Bộ luật này để xác định thẩm quyền của Tòa án cụ thể giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài”. Nghĩa là, sẽ có hai bước trong việc xác định thẩm quyền của Tòa án: (1) Tòa án sẽ dựa vào chương XXXVIII – quy định chung về thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, trong đó nổi bật là Điều 469 hoặc Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định Tòa án Việt Nam có thẩm quyền hay không? Trong đó, Điều 469 là điều luật xác định thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam, còn Điều 470 quy định thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam. (2) Nếu xác định có? thì Tòa án sẽ căn cứ tiếp từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định Tòa án cụ thể có thẩm quyền bao gồm thẩm quyền theo vụ việc, thẩm quyền theo cấp, thẩm quyền theo lãnh thổ, thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn.

(ii) Xác định tư cách đương sự, thủ tục tổng đạt, thu thập chứng cứ ... để đảm bảo nội dung vụ việc sẽ được giải quyết chính xác, công bằng. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiếp tục quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng, năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự của người nước ngoài. Tuy nhiên so với Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011 thì Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã có bổ sung các quy định mới, giúp Tòa án có đầy đủ cơ sở pháp lý về thủ tục giải quyết như nội dung: Yêu cầu cung cấp thông tin về nhân thân, xác định địa chỉ của đương sự ở nước ngoài; Các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự; Thu thập chứng cứ; Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa; Xử lý kết quả tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài và kết quả yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thu thập chứng cứ; Công nhận giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi cho Tòa án Việt Nam; Thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án xét xử vụ án dân sự có yếu tố nước ngoài; Tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng và xử lý kết quả tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm cho đương sự ở nước ngoài.

### **3. Thực trạng áp dụng pháp luật tố tụng dân sự về giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

*Thứ nhất, Tòa án áp dụng cơ sở pháp lý xác định thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài cho các tình tiết, sự kiện tương tự có cùng bản chất là khác nhau*

Căn cứ xác định thẩm quyền của Tòa án là rất quan trọng. Tuy nhiên, trong việc giải quyết vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài đã có một số Tòa án áp dụng cơ sở pháp lý không giống nhau cho các tình tiết, sự kiện tương tự có cùng bản chất.

*Trường hợp 01: Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*

Chẳng hạn, trong việc giải quyết ly hôn giữa Bà H, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam và Ông W, quốc tịch Hoa Kỳ của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Nội dung vụ án như sau: Bà H và ông W kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/3/2016. Trong việc kết hôn giữa bà và ông W thì hai người thực tế không có tình cảm với nhau mà do gia đình làm cầu nối việc kết hôn này để bà H có thể sang Hoa Kỳ định cư, nên bà H chấp nhận cuộc hôn nhân giả với ông W. Sau đó, gia đình bà H thuyết phục bà H kết hôn thật với ông W và có con để thủ tục bảo lãnh bà H sang Hoa Kỳ được dễ dàng hơn. Sau khi kết hôn, hai người chung sống với nhau được một thời gian, cũng trong khoảng thời gian này bà H không thể chấp nhận được lối sống của ông W và bà H cũng không có tình cảm với ông W. Sau khi ông W trở về Hoa Kỳ thì giữa hai người vẫn thường xuyên liên lạc qua mạng internet nhưng lại xảy ra mâu thuẫn về vấn đề giấy tờ xin định cư của bà H và ông W hay đòi lại quà đã tặng cho bà H. Nay nhận thấy tính cách hai người không hòa hợp, tình cảm vợ chồng đã không còn, do đó bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn<sup>1</sup>. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã áp dụng một trong những cơ sở pháp lý là điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: “*Vụ án ly hôn giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài hoặc người không quốc tịch, nếu cả hai vợ chồng cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở Việt Nam*”.

Hoặc một trường hợp khác, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khi giải quyết án ly hôn giữa bà Dương Thị Lan T và ông CHEN HUA T (Đài Loan). Năm 2018, bà T quen biết ông Chen Hua T qua người quen giới thiệu, hai bên tìm hiểu, nảy sinh tình cảm yêu thương, đến ngày 03-4-2019 thì quyết định tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố B, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 03-4-2019. Sau khi kết hôn, bà T và ông Chen Hua T sống chung vợ chồng được một thời gian, sau đó ông Chen về Đài Loan làm việc, bà T vẫn tiếp tục sinh sống ở Việt Nam. Cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn vì khoảng cách địa lý xa xôi, không thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, tính tình không hợp, hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có nên làm đơn khởi kiện<sup>2</sup>. Một trong những căn cứ xác định thẩm

<sup>1</sup> Bản án số 11/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp ly hôn, <http://Congbobanan.toaan.gov.vn>, truy cập ngày 09-9-2022.

<sup>2</sup> Bản án số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ly hôn, <http://Congbobanan.toaan.gov.vn>, truy cập ngày 22-3-2023.

quyền được Tòa án nêu rõ trong mục Quyết định của bản án là *điểm b Khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*.

*Trường hợp 02: Áp dụng điểm d Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*

Những vụ án sau đây đều có tình tiết, sự kiện tương tự nhưng Tòa án lại có cơ sở pháp lý áp dụng khác. Cụ thể: Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng giải quyết ly hôn giữa Chị Vũ Thị H, thành phố Hải Phòng, Việt Nam và Anh LEE PYEONG I, Hàn Quốc<sup>3</sup>. Về nhận định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng lập luận như sau: “*Chị Vũ Thị H và anh LEE PYEONG I kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên vào ngày 29 tháng 6 năm 2018, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Vụ án có đương sự hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng*”. Ở một vụ án ly hôn khác, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết ly hôn giữa chị Nguyễn Diễm M và anh Syu Jin Y (Đài Loan)<sup>4</sup>. Chị M và anh Syu Jin Y tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu ngày 11/7/2019 và được Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/7/2019. Sau khi kết hôn, từ tháng 8 năm 2019 đến cuối tháng 11 năm 2019, anh Syu Jin Y qua Việt Nam thăm chị M được 03 lần, mỗi lần anh chị chung sống với nhau được khoảng từ 10 đến 14 ngày, tại nhà cha mẹ chị M tại Bạc Liêu và tại thành phố Cần Thơ thì anh Syu Jin Y về Đài Loan sinh sống đến nay. Nguyên nhân dẫn đến việc chị M xin ly hôn là do chị phỏng vấn không đạt, nên anh Syu Jin Y không bảo lãnh chị M sang Đài Loan để chung sống với nhau, sau khi anh Syu Jin Y về Đài Loan thì chị M và anh Syu Jin Y không còn liên lạc với nhau từ cuối năm 2019 đến nay, nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa, không thể đoàn tụ được, chị M không thể sang Đài Loan được còn anh Syu Jin Y thì không về Việt Nam nữa, nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh Syu Jin Y. Trong mục Quyết định, một căn cứ xác định thẩm quyền tố tụng, Tòa án đã áp dụng *điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm*

---

<sup>3</sup> Bản án số 92/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc ly hôn, <http://Congbobanan.toaan.gov.vn>, truy cập ngày 09-9-2022.

<sup>4</sup> Bản án số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ly hôn, <http://Congbobanan.toaan.gov.vn>, truy cập ngày 22-3-2023.

2015: “*Vụ việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam hoặc các đương sự là người nước ngoài cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam*”.

*Trường hợp 03: Áp dụng Điều 469 và Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*

Trong việc áp dụng giải quyết án ly hôn, Tòa án đã áp dụng cả hai điều luật trong mục Quyết định của bản án để giải quyết. Đó là trường hợp của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk khi giải quyết ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Cẩm T, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam và Anh WiLLiam Kin-SW (Wong W) Canada<sup>5</sup>. Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh WiLLiam Kin-SW (Wong W) kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/4/2009. Sau khi kết hôn anh Wong W về lại CaNaDa sinh sống và không quay lại Việt Nam nữa, do điều kiện xa cách, hai bên không thể chung sống với nhau như vợ chồng, nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Cẩm T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Wong W. Tòa án nhận định về quan hệ pháp luật như sau: “*Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, b khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk*”.

Như vậy, cùng tình tiết, vấn đề pháp lý như nhau, đều là trường hợp, công dân Việt Nam kết hôn với công dân nước ngoài tại Việt Nam, sau đó, công dân nước ngoài về nước sinh sống. Tại thời điểm Tòa án Việt Nam thụ lý thì công dân Việt Nam cư trú ở Việt Nam và công dân nước ngoài đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án Việt Nam đã có sự xác định thẩm quyền khác nhau, khi là thẩm quyền chung và khi cho rằng vụ án này thuộc thẩm quyền riêng biệt. Bởi việc áp dụng này vô cùng quan trọng về ý nghĩa pháp lý, do thẩm quyền chung nghĩa là một vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài được quy định thuộc thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam thì cũng có thể thuộc thẩm quyền của Tòa án nước ngoài liên quan. Bản án, quyết định của một trong hai Tòa án khi tuyên sẽ được công nhận và cho thi hành. Đối với thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam nghĩa là, Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài đặc thù đó. Bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài tuyên về giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố

<sup>5</sup> Bản án số 03/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-032018hngdst-ngay-22112018-ve-tranh-chap-hon-nhan-va-gia-dinh-51903>, truy cập ngày 09-9-2022.

nước ngoài đặc thù tại Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự thì sẽ không được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam.

Sự khác nhau giữa điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nằm ở chỗ, *nếu cả hai vợ chồng cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở Việt Nam* thì sẽ thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam, còn nếu không, cứ miễn là công dân Việt Nam là Tòa án Việt Nam có thẩm quyền không dựa vào nơi cư trú ở đâu, nghĩa là cư trú trong nước hay ở nước ngoài mà là công dân Việt Nam thì Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết.

Vậy thì như thế nào là “cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở Việt Nam”? Nguyên cùm từ này đã từng gây tranh cãi từ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2011 cho đến hiện nay. Bởi chưa có văn bản chính thức nào giải thích như thế nào được gọi là “cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở Việt Nam”. Chính vì thế, khi áp dụng hai điều luật này, có Tòa án đã xử áp dụng Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng cũng có Tòa án lại áp dụng Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hoặc cũng có Tòa án đã áp dụng cả hai điều luật.

Bên cạnh đó, khi tác giả nghiên cứu bản án thì thấy có rất nhiều Tòa án giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài nhưng không áp dụng căn cứ Điều 469 hoặc Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong khi, đây là quy tắc hiển nhiên trong lý luận và được quy định trong luật thực định. Tòa án phải căn cứ vào Chương XXXVIII trong đó cụ thể dựa vào Điều 469 hoặc Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì mới xác định Tòa án có thẩm quyền hay không? Sau đó mới dựa vào Chương III để xác định thẩm quyền Tòa án cụ thể. Vì vậy, trong nội dung mục Quyết định trong bản án cần thiết phải có căn cứ này. Thế nhưng lại có những bản án tiêu biểu sau đây không áp dụng căn cứ này. Đơn cử như sau: Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh trong việc giải quyết ly hôn giữa Bà Ngô Nữ Thanh N Thành phố Hồ Chí Minh Ông Hafez Magdy M Hoa Kỳ. Về căn cứ Quyết định, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh cho hay: “*Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”<sup>6</sup>. Hoặc tương tự là trường hợp của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương khi

---

<sup>6</sup> Bản án số 1115/2018/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc tranh chấp ly hôn, [http: Congbobanan.toaan.gov.vn](http://Congbobanan.toaan.gov.vn), truy cập ngày 09-9-2022.

giải quyết ly hôn có yếu tố nước ngoài thì căn cứ tại mục Quyết định của Bản án cũng không có điều luật quan trọng xác định thẩm quyền của Tòa án quốc gia Việt Nam<sup>7</sup>.

*Thứ hai, Tòa án chưa thu thập đầy đủ địa chỉ của đương sự ở Việt Nam để thực hiện thủ tục tổng đạt, thu thập chứng cứ, hòa giải*

Địa chỉ của đương sự là một trong những tình tiết tòa án sẽ quan tâm để thực hiện thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng của tòa án đến địa chỉ đó. Có như vậy, tòa án mới thực hiện các thủ tục như là thu thập tài liệu chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải để đảm bảo quyền lợi của đương sự cũng như giải quyết vụ việc theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, cũng có trường hợp khi Tòa án giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, Tòa án chưa thực sự xem xét đầy đủ địa chỉ của đương sự là người nước ngoài ở Việt Nam. Chúng ta sẽ tham khảo nội dung giải quyết vụ việc sau đây:

Công ty TNHH Toàn H Việt Nam (gọi tắt: Công ty Toàn H) địa chỉ trụ sở chính: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An khởi kiện Ông Yang Yong Q, địa chỉ thường trú: Hunan Shen Shaoyang Xian Tang Du Kou Zhen Bao Feng Jie về tài sản và bồi thường thiệt hại.

Theo đó, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã nhận định về thẩm quyền: “*Công ty Toàn H khởi kiện yêu cầu ông Yang Yong Q trả số tiền ông Yang Yong Q chiếm dụng của công ty và ông Yang Yong Q là người nước ngoài tại thời điểm Tòa án thụ lý chưa xác định được ông Yang Yong Q định cư, làm ăn, học tập, công tác ở Việt Nam. Căn cứ Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp đòi tài sản và bồi thường thiệt hại” theo thủ tục chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của ông Yang Yong Q tại Đường số 3, Cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng ông Yang Yong Q vẫn không có mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Yang Yong Q theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*”<sup>8</sup>.

Tuy nhiên, toàn bộ bản án này đã bị Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh hủy bản án với lý do: “*Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án số 10/2017/TLST-KDTM ngày 16/4/2017 và xác định nơi cư trú cuối cùng của ông Yang Yong Q tại đường số 3, cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh*

<sup>7</sup> Bản án số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc tranh chấp ly hôn, <http://Congbobanan.toaan.gov.vn>, truy cập ngày 22-3-2023.

<sup>8</sup> Bản án số 05/2017/KDTM-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về việc tranh chấp đòi tài sản, bồi thường thiệt hại, <http://Congbobanan.toaan.gov.vn>, truy cập ngày 09-9-2022.



*Long An. Tuy nhiên, đây là địa chỉ nơi làm việc của ông Yang Yong Q cũng thay đổi nhiều nơi, còn địa chỉ ông Yang Yong Q ở tại A3 003 khu Villa An Phú Đông, tổ 40-KP5, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, được đăng ký và tạm trú từ ngày 14/7/2016. Cấp sơ thẩm chưa thu thập nơi ở của ông Yang Yong Q, đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết tại đường số 3, cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để xét xử vắng mặt ông Yang Yong Q là vi phạm khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do không xác định đúng địa chỉ của ông Yang Yong Q nên cấp sơ thẩm không tiến hành làm việc, thu thập tài liệu chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải theo quy định tại Điều 204, 205, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giải quyết vụ án cho đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Yang Yong Q và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm”<sup>9</sup>.*

Như vậy, lý do hủy án quan trọng nhất đã được Tòa án cấp phúc thẩm đưa ra là việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập nơi ở của ông Yang Yong Q, đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết và điều này dẫn đến việc Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành làm việc, thu thập tài liệu chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải theo quy định để giải quyết vụ án cho đúng pháp luật.

*Thứ ba, thực tiễn áp dụng điểm c khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và cần thiết cần có văn bản hướng dẫn cụ thể hơn*

Với vụ việc giữa Công ty DK Ltd (Hàn Quốc) và Jang Chin H tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng vốn<sup>10</sup>, Tòa án Việt Nam khi xem xét yêu cầu công nhận và cho thi hành đã nhận định trường hợp này thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam và Tòa án nước ngoài không có thẩm quyền giải quyết để từ đó ra quyết định không công nhận vì Tòa án nước ngoài không có thẩm quyền giải quyết. Lập luận được Tòa giải thích là: Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn, các bên có thỏa thuận nếu không giải quyết tranh chấp theo con đường hòa giải thì sẽ giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam theo

---

<sup>9</sup> Bản án số 26/2019/KDTM-PT ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh về việc tranh chấp đòi tài sản và bồi thường thiệt hại, <http://Congbobanan.toaan.gov.vn>, truy cập ngày 09-9-2022.

<sup>10</sup> Quyết định số 02/2018/QĐKDTM-ST của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 16 tháng 1 năm 2018, <http://Congbobanan.toaan.gov.vn>, truy cập ngày 09-9-2022.

pháp luật Việt Nam. Nghĩa là một điều khoản trong hợp đồng đã được các bên lựa chọn Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết nếu có tranh chấp phát sinh. Như vậy, việc áp dụng căn cứ pháp luật của Tòa án Việt Nam hoàn toàn chính xác và có cơ sở để ra quyết định không công nhận theo khoản 4 Điều 439 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, với quy định của pháp luật tại căn cứ điểm c khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: *Vụ án dân sự khác mà các bên được lựa chọn Tòa án Việt Nam để giải quyết theo pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các bên đồng ý lựa chọn Tòa án Việt Nam*. Quy định này vẫn chưa cho biết: (i) trường hợp nào các bên được lựa chọn Tòa án Việt Nam; (ii) hình thức thỏa thuận lựa chọn Tòa án Việt Nam; (iii) chủ thể tham gia thỏa thuận cần đáp ứng điều kiện nào; (iv) trường hợp nào mặc dù các bên có thỏa thuận lựa chọn Tòa án Việt Nam nhưng không thể áp dụng. Nghĩa là, trong tương lai gần, quy định trên sẽ gây rắc rối cho thực tiễn áp dụng.

#### **4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài**

Với những hạn chế, bất cập trong việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, cần thiết rà soát và sớm ban hành Dự thảo Nghị quyết hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để hướng dẫn cụ thể về tiêu chí: “ *cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở Việt Nam*” cũng như hướng dẫn cụ thể trường hợp “*đồng ý lựa chọn Tòa án Việt Nam*”. Cụ thể, với nội dung như Dự thảo cần sửa đổi thành: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ việc ly hôn giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài mà nguyên đơn hoặc bị đơn ở nước ngoài hoặc các bên đương sự đều ở nước ngoài. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ việc ly hôn giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài đang cư trú, làm việc tại Việt Nam và được cấp thẻ thường trú, thẻ tạm trú hoặc được cấp giấy miễn thị thực có thời hạn không quá 5 năm, kể cả trường hợp được xem xét cấp lại thẻ hoặc giấy này theo quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Bên cạnh đó, khi căn cứ xác định thẩm quyền của Tòa án, Thẩm phán bắt buộc thể hiện rõ căn cứ Điều 469 hoặc Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong bản án để bản án được thuyết phục, chính xác và logic hơn.

Quy định hướng dẫn về phạm vi áp dụng thỏa thuận lựa chọn Tòa án trong lĩnh vực dân sự và thương mại có yếu tố nước ngoài, nêu rõ khái niệm thỏa thuận lựa chọn tòa án, có thể tham khảo Công ước Hague về thỏa thuận lựa chọn Tòa án năm 2005 tại Điều 3 (a) định nghĩa về thỏa thuận Tòa án như sau: “*Thỏa thuận lựa chọn Tòa án độc quyền có nghĩa là một thỏa thuận được ký kết bởi hai hoặc nhiều bên nhằm chỉ định đích danh một Tòa án cụ thể, với mục đích giải quyết các tranh chấp đã phát sinh hoặc có thể phát sinh liên quan đến một mối quan hệ pháp lý cụ thể, và để loại trừ quyền tài phán của bất kỳ Tòa án nào khác*”. Mặt khác, quy định về hình thức thỏa thuận lựa chọn Tòa án thể hiện bằng văn bản hoặc bằng các hình thức trao đổi tương đương khác; quy định về điều kiện dành cho chủ thể tham gia thỏa thuận lựa chọn Tòa án. Quy định hướng dẫn cụ thể các trường hợp thỏa thuận lựa chọn Tòa án bị vô hiệu. Chúng ta có thể tham khảo kinh nghiệm lập pháp của Singapore với Luật thỏa thuận lựa chọn Tòa án năm 2016<sup>11</sup>. Đây là văn bản được ban hành sau động thái gia nhập Công ước Hague năm 2005 về thỏa thuận lựa chọn Tòa án. Đạo luật đã quy định hết sức cụ thể về định nghĩa thỏa thuận lựa chọn Tòa án; phạm vi thỏa thuận; thẩm quyền của Tòa án được lựa chọn; trường hợp Tòa án Singapore không được lựa chọn; công nhận và cho thi hành phán quyết của tòa án nước ngoài. Chẳng hạn như quy định thỏa thuận Tòa án được lựa chọn độc quyền là thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều bên được lập thành văn bản hoặc bằng bất kỳ phương tiện giao tiếp nào khác làm cho thông tin được truyền đạt có thể truy cập được để có thể sử dụng cho việc tham khảo sau này. Theo đó, (1) Tòa án Singapore, nơi được lựa chọn độc quyền về thỏa thuận Tòa án chỉ định cho mục đích quyết định tranh chấp, có thẩm quyền quyết định tranh chấp, trừ khi thỏa thuận vô hiệu theo luật của Singapore. (2) Tòa án Singapore có thẩm quyền theo tiêu mục (1) không thể từ chối thực hiện quyền tài phán với lý do tranh chấp phải được quyết định tại Tòa án của quốc gia khác.

Hai là, Tòa án Việt Nam cần xem xét đầy đủ đến địa chỉ của đương sự một cách đầy đủ nhất không chỉ là địa chỉ nơi làm việc mà còn cả địa chỉ nơi ở của người nước ngoài ở Việt Nam để tổng đạt giấy tờ theo đúng thủ tục tố tụng. Cho nên, Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành văn bản thông báo rút kinh nghiệm trong giải quyết án có yếu tố nước ngoài đặc biệt là thủ tục tổng đạt văn bản giấy tờ.

---

<sup>11</sup> Singapore Statutes Online (2021), “Choice of Court Agreements Act 2016”, [https://sso.agc.gov.sg/Acts-Supp/14\\_2016/Published/20160608?DocDate](https://sso.agc.gov.sg/Acts-Supp/14_2016/Published/20160608?DocDate), accessed 22/3/2023.

Ba là, tăng cường công tác phối hợp giữa Tòa án nhân dân và Bộ Tư pháp trong việc phối hợp ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Tổ chức trao đổi định kỳ (có thể là theo quý hoặc hàng năm) để thảo luận những hạn chế hay đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn, đảm bảo nâng cao sự phối hợp trong việc thực hiện tương trợ tư pháp.

## **5. Kết luận**

Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài sẽ giúp cho việc giải quyết vụ án tuân thủ các quy định pháp luật. Cho nên, việc nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật để đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết án sẽ giúp nâng cao uy tín của Tòa án Việt Nam trên trường quốc tế, qua đó, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh hiện nay.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
2. Bản án số 11/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp ly hôn, [http: Congbobanan.toaan.gov.vn](http://Congbobanan.toaan.gov.vn), truy cập ngày 09-9-2022.
3. Bản án số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ly hôn, [http: Congbobanan.toaan.gov.vn](http://Congbobanan.toaan.gov.vn), truy cập ngày 22-3-2023.
4. Bản án số 92/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc ly hôn, [http: Congbobanan.toaan.gov.vn](http://Congbobanan.toaan.gov.vn), truy cập ngày 09-9-2022.
5. Bản án số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ly hôn, [http: Congbobanan.toaan.gov.vn](http://Congbobanan.toaan.gov.vn), truy cập ngày 22-3-2023.
6. Bản án số 03/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐắkLắk về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-032018hngdst-ngay-22112018-ve-tranh-chap-hon-nhan-va-gia-dinh-51903>, truy cập ngày 09-9-2022.
7. Bản án số 1115/2018/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc tranh chấp ly hôn, [http: Congbobanan.toaan.gov.vn](http://Congbobanan.toaan.gov.vn), truy cập ngày 09-9-2022.

8. Bản án số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc tranh chấp ly hôn, [http: Congbobanan.toaan.gov.vn](http://Congbobanan.toaan.gov.vn), truy cập ngày 22-3-2023.
9. Bản án số 05/2017/KDTM-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về việc tranh chấp đòi tài sản, bồi thường thiệt hại, [http: Congbobanan.toaan.gov.vn](http://Congbobanan.toaan.gov.vn), truy cập ngày 09-9-2022.
10. Bản án số 26/2019/KDTM-PT ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh về việc tranh chấp đòi tài sản và bồi thường thiệt hại, [http: Congbobanan.toaan.gov.vn](http://Congbobanan.toaan.gov.vn), truy cập ngày 09-9-2022.
11. Quyết định số 02/2018/QĐKDTM-ST của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 16 tháng 1 năm 2018, [http: Congbobanan.toaan.gov.vn](http://Congbobanan.toaan.gov.vn), truy cập ngày 09-9-2022.
12. Singapore Statutes Online (2021), “*Choice of Court Agreements Act 2016*”, [https://sso.agc.gov.sg/Acts-Supp/14\\_2016/Published/20160608?DocDate](https://sso.agc.gov.sg/Acts-Supp/14_2016/Published/20160608?DocDate), accessed 22/3/2023.